

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 16-4-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.
2. Bà Trần Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc K, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn ngày 21/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc K trình bày:

Chị và anh Trần Thanh H bắt đầu chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 07/02/2006. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H không có trách nhiệm với gia đình và đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, đến nay thì vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Kiều M, sinh ngày 01/6/2005 và Trần Thị Kiều V, sinh ngày 24/01/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn anh Trần Thanh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung cả 02 cháu Trần Thị Kiều M và Trần Thị Kiều V đều thể hiện nguyện vọng muốn sống với chị K nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị K yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 07/02/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị K trình bày trong quá trình chung sống, giữa chị và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Theo biên bản xác minh ngày 11/01/2021

của Tòa án đối với chính quyền địa phương nơi chị K, anh H cư trú (BL: 35) cũng thể hiện mâu thuẫn giữa chị K và anh H là có thật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh H không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị K và anh H đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên tên Trần Thị Kiều M và Trần Thị Kiều V. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do anh H vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị K về người trực tiếp nuôi con chung. Theo tờ tự khai của các cháu M và V (BL: 36, 37) đều thể hiện nguyện vọng được sống với chị K. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao các cháu M và V cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh H có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị K, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc K.

**1.1** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc K được ly hôn với Trần Thanh H.

**1.2. Về con chung:** Giao các cháu Trần Thị Kiều M, sinh ngày 01/6/2005 và Trần Thị Kiều V, sinh ngày 24/01/2009 cho chị Trần Thị Ngọc K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Thanh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

**2. Về án phí:** Chị Trần Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017056 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị K đã nộp xong án phí.

Anh Trần Thanh H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về nghĩa vụ thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Trần Thị Ngọc K và anh Trần Thanh H được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Phú**

